

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 36

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển BOT Cần Đơn thuộc Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000032 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp bổ sung 12 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi số đăng ký kinh doanh thành 38010668943, đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 25 tháng 7 năm 2017 tăng vốn điều lệ.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0271 356 3359
- Fax : 0271 356 3133

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn – Nhà Máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, xã Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn – Nhà Máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

### Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm);
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình giao thông; thi công xây lắp các công trình giao thông);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi và buro điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước; đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp; thi công xây lắp các công trình công nghiệp và buro điện, thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220 KV);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: sản xuất kinh doanh vật tư - xây dựng, máy móc thiết bị);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: dịch vụ khách sạn);
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: dạy nghề; đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ);
- Sản xuất giống thủy sản;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu hàng dệt may);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện);
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: mua bán khoáng sản (không chờ đá thô ra ngoài tỉnh));
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: gia công và xây lắp các thiết bị cơ khí);
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: chế biến khoáng sản);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: khai thác, lọc và phân phối nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan (Chi tiết: giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác thi công và lắp đặt hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp);
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết, nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân; tiếp nhận, vận tải vật tư thiết bị./.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Văn Thạnh (*)	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2018
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Đồng Văn Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019

(\*) Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty đã chấp thuận Đơn xin từ nhiệm của ông Trần Văn Thạnh – chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và thống nhất giao nhiệm vụ cho ông Mai Ngọc Hoàn tạm thời phụ trách hoạt động của Hội đồng quản trị kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

##### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Lê Việt Đoàn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Đỗ Thị Trâm Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019

##### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Ngọc Hoàn - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

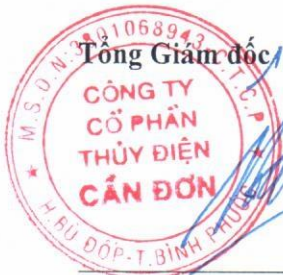
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Mai Ngọc Hoàn**

Ngày 05 tháng 8 năm 2019

Số: 2.0475 /19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phó Giám đốc – Nguyễn Thị Tư**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2019

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>608.634.446.972</b>	<b>694.016.173.510</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31.786.664.770</b>	<b>45.104.835.807</b>
1. Tiền	111		11.786.664.770	20.104.835.807
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	25.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	130.000.000.000	115.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>440.919.476.438</b>	<b>525.628.271.334</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	432.567.258.163	516.825.014.280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		240.892.100	889.654.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	45.199.189.264	45.199.189.264
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	29.717.027.669	29.519.304.548
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(66.804.890.758)	(66.804.890.758)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.619.809.334</b>	<b>7.672.617.876</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.619.809.334	7.672.617.876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>308.496.430</b>	<b>610.448.493</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	308.496.430	610.448.493
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>527.114.986.136</b>	<b>553.164.648.993</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>468.060.072.809</b>	<b>490.381.001.254</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	464.660.072.809	486.981.001.254
<i>Nguyên giá</i>	222		1.697.371.192.354	1.695.749.192.354
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.232.711.119.545)	(1.208.768.191.100)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>34.620.909</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	34.620.909
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>46.586.568.061</b>	<b>49.575.856.908</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	60.936.420.000	60.936.420.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.841.309.273	1.841.309.273
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(16.191.161.212)	(13.201.872.365)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.468.345.266</b>	<b>13.173.169.922</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V8.b	3.320.143.873	4.106.112.929
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.148.201.393	9.067.056.993
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.135.749.433.108</b>	<b>1.247.180.822.503</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>313.496.152.961</b>	<b>283.147.181.629</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>210.178.121.829</b>	<b>178.901.342.041</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.237.932.957	2.147.982.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	16.017.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	12.193.852.882	15.636.394.422
4. Phải trả người lao động	314		2.361.119.196	9.550.729.530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		549.410.753	505.474.298
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	174.985.453.229	140.818.419.939
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	3.079.529.470	2.914.707.188
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	14.770.823.342	7.311.617.145
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>103.318.031.132</b>	<b>104.245.839.588</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	100.000.000	100.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	103.218.031.132	104.145.839.588
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>822.253.280.147</b>	<b>964.033.640.874</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>822.218.684.550</b>	<b>963.999.045.277</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.212.070.479	1.212.070.479
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		84.463.037.561	76.964.793.542
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.557.376.510	195.835.981.256
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.320.187.237	26.164.801.039
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.237.189.273	169.671.180.217
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.595.597</b>	<b>34.595.597</b>
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.135.749.433.108</b>	<b>1.247.180.822.503</b>

Người lập biểu

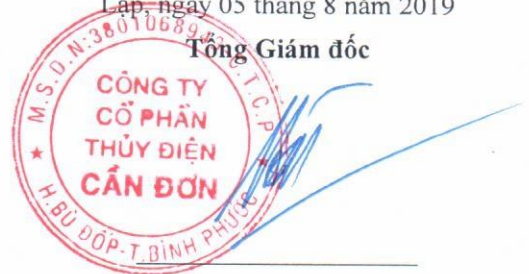
Đỗ Thị Trâm Phương

Kế toán trưởng

Hồ Thị Huệ

Lập, ngày 05 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Mai Ngọc Hoàn

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	134.914.096.693	200.267.212.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134.914.096.693	200.267.212.519
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.008.283.358	82.215.577.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.905.813.335	118.051.634.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.601.037.263	4.242.109.375
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.887.952.755	4.691.583.149
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.232.503.303	1.875.449.235
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.050.617.502	12.130.415.929
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.568.280.341	105.471.744.937
11. Thu nhập khác	31		1.000.000	434.781.890
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.000.000	434.781.890
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.569.280.341	105.906.526.827
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	11.332.091.068	10.941.887.163
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.237.189.273	94.964.639.664
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	-	-

Người lập biểu

Đỗ Thị Trâm Phương

Kế toán trưởng

Hồ Thị Huệ

Lập, ngày 05 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Mai Ngọc Hoàn

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.569.280.341	105.906.526.827
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	23.908.656.121	35.220.781.110
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	2.989.288.847	1.623.187.275
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	658.822.239	1.192.946.639
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.601.037.263)	(4.246.119.192)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.232.503.303	1.875.449.235
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.757.513.588	141.572.771.894
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.708.794.896	(139.172.206.573)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.971.664.142	2.045.992.811
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.599.756.482)	(1.631.409.462)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.122.542.028	1.317.248.403
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.188.566.848)	(1.496.536.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(7.792.123.532)	(6.835.209.257)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(7.027.521.479)	(4.145.497.178)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>138.952.546.313</b>	<b>(8.344.845.380)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(1.622.000.000)	(88.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	31.763.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.601.037.263	4.214.355.555
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(13.020.962.737)</b>	<b>9.158.119.192</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(1.421.808.413)	(1.264.939.758)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(137.827.946.200)	(59.323.030)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(139.249.754.613)</i>	<i>(1.324.262.788)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.318.171.037)	(510.988.976)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	45.104.835.807	39.837.442.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>31.786.664.770</u>	<u>39.326.453.169</u>

Lập, ngày 05 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Trâm Phương

Hồ Thị Huệ

Mai Ngọc Hoàn

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên có trụ sở chính tại Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 81,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà Máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, xã Ialy, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà Máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 234 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 244 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn,): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Đầu tư vào công ty con*

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

###### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	03-08

Riêng đối với tài sản cố định là Nhà máy thủy điện Cần Đơn được thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong kỳ trên tổng sản lượng thiết kế vận hành tính trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **11. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán điện thương phẩm***

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được và đơn giá qui định trong hợp đồng mua, bán điện đã được ký kết.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	266.299.030	420.665.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.520.365.740	19.684.170.152
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	20.000.000.000	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.786.664.770</b>	<b>45.104.835.807</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào Công ty con <sup>(i)</sup>	60.936.420.000	(16.191.161.632)	60.936.420.000	(13.201.872.365)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <sup>(ii)</sup>	1.841.309.273		1.841.309.273	
<b>Cộng</b>	<b>62.777.729.273</b>	<b>(16.191.161.632)</b>	<b>62.777.729.273</b>	<b>(13.201.872.365)</b>

<sup>(i)</sup> Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

<sup>(ii)</sup> Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi. Công ty này đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

##### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(13.201.872.365)	(13.786.102.216)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.989.288.847)	(1.623.187.275)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(16.191.161.212)</b>	<b>(15.409.289.491)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>424.549.862.880</b>	<b>509.743.224.376</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	423.466.448.270	508.659.809.766
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	1.083.414.610	1.083.414.610
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>8.017.395.283</b>	<b>7.081.789.904</b>
Tổng công ty điện lực Miền Trung	2.741.988.840	4.211.901.002
Tổng công ty điện lực Miền Bắc	4.924.198.443	2.320.323.074
Các khách hàng khác	351.208.000	549.565.828
<b>Cộng</b>	<b>432.567.258.163</b>	<b>516.825.014.280</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>25.199.189.264</b>	<b>25.199.189.264</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	25.199.189.264	25.199.189.264
<b>Cộng</b>	<b>45.199.189.264</b>	<b>45.199.189.264</b>

**5. Phải thu ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>7.115.833.333</b>	<b>7.115.833.333</b>	<b>7.115.833.333</b>	<b>7.115.833.333</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Lãi cho vay	7.115.833.333	7.115.833.333	7.115.833.333	7.115.833.333
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>22.601.194.336</b>	<b>14.198.597.661</b>	<b>22.403.471.215</b>	<b>14.198.597.661</b>
Phải thu về lãi tiền cho vay Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	14.198.597.661	14.198.597.661	14.198.597.661	14.198.597.661
Phải thu về lãi tiền cho vay Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	1.745.290.454		1.745.290.454	
Tạm ứng	449.852.053		262.759.765	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.207.454.168		6.196.823.335	
<b>Cộng</b>	<b>29.717.027.669</b>	<b>21.314.430.994</b>	<b>29.519.304.548</b>	<b>21.314.430.994</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CĂN ĐƠN**

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào		27.115.833.333		27.115.833.333
Gốc vay	Trên 3 năm	20.000.000.000	Trên 3 năm	20.000.000.000
Lãi vay	Trên 3 năm	7.115.833.333	Trên 3 năm	7.115.833.333
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		48.630.166.448		48.630.166.448
Gốc vay	Trên 3 năm	25.199.189.264	Trên 3 năm	25.199.189.264
Lãi vay	Trên 3 năm	14.198.597.661	Trên 3 năm	14.198.597.661
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	Trên 3 năm	1.745.290.454	Trên 3 năm	1.745.290.454
Các tổ chức và cá nhân khác		7.487.089.069		7.487.089.069
<b>Cộng</b>		<b>75.745.999.781</b>		<b>75.745.999.781</b>
				<b>66.804.890.758</b>

Tình hình biến động dự phòng trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	66.804.890.758	56.639.912.543
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>66.804.890.758</b>	<b>56.639.912.543</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.588.893.970	7.658.503.876
Công cụ, dụng cụ	11.864.000	12.314.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.051.364	1.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.619.809.334</u></b>	<b><u>7.672.617.876</u></b>

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	103.305.392	131.058.289
Thí nghiệm hiệu chỉnh	199.363.975	438.600.739
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.827.063	40.789.465
<b>Cộng</b>	<b><u>308.496.430</u></b>	<b><u>610.448.493</u></b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa tài sản cố định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	914.624.717.697	636.330.756.136	142.443.858.214	2.349.860.307	1.695.749.192.354
Mua trong kỳ		1.622.000.000			1.622.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>914.624.717.697</b>	<b>637.952.756.136</b>	<b>142.443.858.214</b>	<b>2.349.860.307</b>	<b>1.697.371.192.354</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.001.437.414	51.370.270.142	3.427.131.580	1.012.463.589	57.811.302.725
Tài sản cố định phức lợi					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	635.770.815.257	470.558.125.692	101.108.490.961	1.330.759.190	1.208.768.191.100
Khấu hao trong kỳ	13.121.982.493	8.361.641.062	2.286.630.564	138.402.002	23.908.656.121
Hao mòn trong kỳ	34.272.324				34.272.324
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>648.927.070.074</b>	<b>478.919.766.754</b>	<b>103.395.121.525</b>	<b>1.469.161.192</b>	<b>1.232.711.119.545</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	278.853.902.440	165.772.630.444	41.335.367.253	1.019.101.117	486.981.001.254
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>265.697.647.623</b>	<b>159.032.989.382</b>	<b>39.048.736.689</b>	<b>880.699.115</b>	<b>464.660.072.809</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 380.756.271.807 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất tại lô đất số 165 Trường Chinh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.400.000.000		3.400.000.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.400.000.000</b>		<b>3.400.000.000</b>

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Nam	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trường Thọ	210.746.547	
Công ty Cổ phần Thái Tuyên		135.606.853
Các nhà cung cấp khác	327.186.410	312.375.166
<b>Cộng</b>	<b>2.237.932.957</b>	<b>2.147.982.019</b>

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.084.317.631	12.383.558.915	(11.770.343.181)	1.697.533.365
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.527.049.460	11.332.091.068	(7.792.123.532)	6.067.016.996
Thuế thu nhập cá nhân	1.698.344.745	1.898.320.751	(3.566.724.917)	29.940.579
Thuế tài nguyên	2.546.256.394	11.850.201.103	(12.751.535.731)	1.644.921.766
Thuế nhà đất		2.675.898	(2.675.898)	
Tiền thuê đất		47.105.101	(47.105.101)	
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.280.032.692	4.708.402.812	(6.350.526.828)	2.637.908.676
Các loại thuế khác		5.000.000	(5.000.000)	
Phí cấp quyền khai thác nước mặt	3.500.393.500	495.853.500	(3.879.715.500)	116.531.500
<b>Cộng</b>	<b>15.636.394.422</b>	<b>42.723.209.148</b>	<b>(46.165.750.688)</b>	<b>12.193.852.882</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo qui định tại khoản 1, điều 15 và khoản 1 điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn và Nhà máy Thủy điện Nà Lơi với thuế suất 10 % trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (nhà máy Thủy điện Cần Đơn: Từ năm 2004 đến năm 2018; nhà máy Thủy điện Nà Lơi: Từ năm 2004 đến năm 2018)

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính của Nhà máy Thủy điện Ryninh II và thu nhập từ hoạt động khác của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.569.280.341	105.906.526.827
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	91.175.000	151.175.000
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	48.000.000	108.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	43.175.000	43.175.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	56.660.455.341	106.057.701.827
Thu nhập được hưởng ưu đãi		102.696.532.030
Thu nhập không được hưởng ưu đãi		3.361.169.797
Thu nhập tính thuế	56.660.455.341	106.057.701.827
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>11.332.091.068</b>	<b>21.222.102.086</b>
<b>Chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>		<b>(10.269.653.202)</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>11.332.091.068</b>	<b>10.941.887.163</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với mức 5%.

#### **Tiền thuê đất**

Công ty được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Cần Đơn theo qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; được miễn tiền thuê đất trong 15 năm (từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019) đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Nà Loi theo quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Cục thuế tỉnh Điện Biên.

#### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

##### 13a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	356.098.652	328.403.445
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	73.557.601	68.689.680
Cổ tức phải trả	173.827.628.925	139.159.025.125
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	728.168.051	1.262.301.689
<b>Cộng</b>	<b>174.985.453.229</b>	<b>140.818.419.939</b>

##### 13b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược

#### 14. Vay ngắn hạn/dài hạn

Là khoản vay Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2011/HĐTD-ADB-TĐSD-CD ngày 30 tháng 11 năm 2011. Mục đích vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn dự án thủy điện Cần Đơn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước. Số tiền vay là 5.000.000 USD (Năm triệu Đô la Mỹ), thời hạn vay 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn. Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 05 tháng 5 và 05 tháng 11 hàng năm theo thông báo trả nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Lãi suất cho vay gồm lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo, phí cho vay lại phải trả cho Tổng công ty Sông Đà là 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay theo quy định. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả)	3.079.529.470	2.914.707.188
Vay dài hạn	103.218.031.132	104.145.839.588
<b>Cộng</b>	<b>106.297.560.602</b>	<b>107.060.546.776</b>
Nguyên tệ (USD)	4.543.601,65	4.604.754,70

Chi tiết số phát sinh trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn	Dài hạn	Cộng
Số đầu năm	2.914.707.188	104.145.839.588	107.060.546.776
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.421.808.413)		(1.421.808.413)
Số kết chuyển	1.567.544.063	(1.567.544.063)	
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	19.086.632	639.735.607	658.822.239
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.079.529.470</b>	<b>103.218.031.132</b>	<b>106.297.560.602</b>

Kỳ hạn thanh toán khoản vay như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.079.529.470	2.914.707.188
Trên 1 năm đến 5 năm	15.816.272.802	14.969.812.425
Trên 5 năm	87.401.758.330	89.176.027.163
<b>Cộng</b>	<b>106.297.560.602</b>	<b>107.060.546.776</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Quỹ khen thưởng</b>	<b>Quỹ phúc lợi</b>	<b>Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	4.343.065.389	2.194.117.453	774.434.303	7.311.617.145
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.146.000.000	2.375.000.000		14.521.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(6.183.085.680)	(844.435.799)		(7.027.521.479)
Hao mòn TSCĐ phúc lợi			(34.272.324)	(34.272.324)
<b>Cộng</b>	<b>10.305.979.709</b>	<b>3.724.681.654</b>	<b>740.161.979</b>	<b>14.770.823.342</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	689.986.200.000	1.212.070.479	4.237.592.735	402.355.544.366	1.097.791.407.580
Lợi nhuận trong kỳ trước				94.964.639.664	94.964.639.664
Trích lập các quỹ			72.727.200.807	(86.817.200.807)	(14.090.000.000)
Chia cổ tức				(310.493.790.000)	(310.493.790.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>1.212.070.479</b>	<b>76.964.793.542</b>	<b>100.009.193.223</b>	<b>868.172.257.244</b>
Số dư đầu năm nay	689.986.200.000	1.212.070.479	76.964.793.542	195.835.981.256	963.999.045.277
Lợi nhuận trong kỳ này				45.237.189.273	45.237.189.273
Trích lập các quỹ			7.498.244.019	(22.019.244.019)	(14.521.000.000)
Chia cổ tức				(172.496.550.000)	(172.496.550.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>1.212.070.479</b>	<b>84.463.037.561</b>	<b>46.557.376.510</b>	<b>822.218.684.550</b>

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	351.610.560.000	351.610.560.000
Các cổ đông khác	338.375.640.000	338.375.640.000
<b>Cộng</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>689.986.200.000</b>

**16c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	68.998.620	68.998.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHCD ngày 30 tháng 06 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	172.496.550.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	7.498.244.019
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.521.000.000

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm điện	134.782.046.693	200.174.353.519
Doanh thu khác	132.050.000	92.859.000
<b>Cộng</b>	<b>134.914.096.693</b>	<b>200.267.212.519</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	62.979.483.358	82.175.709.879
Giá vốn khác	28.800.000	39.868.000
<b>Cộng</b>	<b>63.008.283.358</b>	<b>82.215.577.879</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.601.037.263	4.242.109.375

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.232.503.303	1.875.449.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.338.366	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	658.822.239	1.192.946.639
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.989.288.847	1.623.187.275
<b>Cộng</b>	<b>5.887.952.755</b>	<b>4.691.583.149</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.958.761.953	6.209.028.611
Chi phí vật liệu quản lý	88.611.390	100.155.099
Chi phí đồ dùng văn phòng	487.510.983	310.806.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.596.893	613.869.547
Thuế, phí và lệ phí	142.296.075	130.791.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.116.053.621	984.471.472
Các chi phí khác	3.696.786.587	3.781.292.453
<b>Cộng</b>	<b>13.050.617.502</b>	<b>12.130.415.929</b>

#### 6. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

#### 7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.129.542.794	8.771.924.495
Chi phí nhân công	17.471.601.795	15.487.431.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.908.656.121	35.220.781.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.105.663.078	2.178.969.018
Chi phí khác	24.443.437.072	32.737.618.463
<b>Cộng</b>	<b>76.058.900.860</b>	<b>94.396.724.847</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	693.035.640	564.203.574
Thù lao	276.000.000	317.000.000
<b>Cộng</b>	<b>969.035.640</b>	<b>881.203.574</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	Công ty con
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà	Các công ty cùng Tập đoàn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán điện thương phẩm của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn cho Tổng công ty Sông Đà với số tiền là 100.599.771.694 VND (cùng kỳ năm trước là 160.322.095.408 VND).

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.14.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Bình Phước, khu vực Gia Lai và khu vực Điện Biên.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Bình Phước	Khu vực Gia Lai	Khu vực Điện Biên	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	100.599.771.694	10.716.224.879	23.598.100.120	134.914.096.693
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>100.599.771.694</b>	<b>10.716.224.879</b>	<b>23.598.100.120</b>	<b>134.914.096.693</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54.976.836.497	3.166.071.217	13.762.905.621	71.905.813.335
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8.173.430.828)	(2.651.906.088)	(2.225.280.586)	(13.050.617.502)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46.803.405.669	514.165.129	11.537.625.035	58.855.195.833
Doanh thu hoạt động tài chính	3.596.119.520	1.993.027	2.924.716	3.601.037.263
Chi phí tài chính	(5.887.952.755)			(5.887.952.755)
Thu nhập khác	1.000.000			1.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(8.920.749.487)	(103.231.631)	(2.308.109.950)	(11.332.091.068)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>35.591.822.947</b>	<b>412.926.525</b>	<b>9.232.439.801</b>	<b>45.237.189.273</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	160.322.095.408	15.532.471.633	24.412.645.478	200.267.212.519
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>160.322.095.408</b>	<b>15.532.471.633</b>	<b>24.412.645.478</b>	<b>200.267.212.519</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	98.788.406.244	6.094.381.342	13.168.847.054	118.051.634.640
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(7.306.786.806)	(2.774.294.262)	(2.049.334.861)	(12.130.415.929)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91.481.619.438	3.320.087.080	11.119.512.193	105.921.218.711
Doanh thu hoạt động tài chính	4.235.756.295	2.400.611	3.952.469	4.242.109.375
Chi phí tài chính	(4.691.583.149)			(4.691.583.149)
Thu nhập khác	403.018.253	31.763.637		434.781.890
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(9.157.998.583)	(670.850.266)	(1.113.038.314)	(10.941.887.163)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>82.270.812.254</b>	<b>2.683.401.062</b>	<b>10.010.426.348</b>	<b>94.964.639.664</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<b>Khu vực Bình Phước</b>	<b>Khu vực Gia Lai</b>	<b>Khu vực Điện Biên</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.113.854.192.441	64.432.147.439	64.981.687.794	(107.518.594.566)	1.135.749.433.108
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.113.854.192.441</b>	<b>64.432.147.439</b>	<b>64.981.687.794</b>	<b>(107.518.594.566)</b>	<b>1.135.749.433.108</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	302.458.349.099	11.607.150.435	5.749.247.993	(6.318.594.566)	313.496.152.961
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>302.458.349.099</b>	<b>11.607.150.435</b>	<b>5.749.247.993</b>	<b>(6.318.594.566)</b>	<b>313.496.152.961</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.193.558.929.871	81.866.791.078	72.955.101.554	(101.200.000.000)	1.247.180.822.503
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.193.558.929.871</b>	<b>81.866.791.078</b>	<b>72.955.101.554</b>	<b>(101.200.000.000)</b>	<b>1.247.180.822.503</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	271.564.571.167	8.334.473.119	3.248.137.343		283.147.181.629
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>271.564.571.167</b>	<b>8.334.473.119</b>	<b>3.248.137.343</b>		<b>283.147.181.629</b>

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chính chỉ năm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

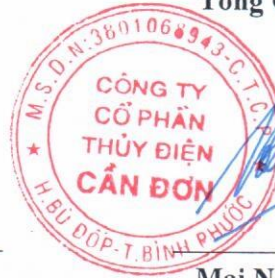
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 05 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Trâm Phương

Hồ Thị Huế

Mai Ngọc Hoàn

